TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS-ST
Ngày 23-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Liên; ông Lê Đình Thi.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thu Hường - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:

Ông Hà Quang Huy - Kiểm sát viên.

Bà Nguyễn Thị Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Lưu Văn T; tên gọi khác: C; sinh ngày: 10 tháng 5 năm 1979 tại: Tỉnh Tuyên Quang; số căn cước công dân: Không có; số giấy chứng minh nhân dân: xxxxxxxxx, ngày cấp: 05/9/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn V (đã chết) và bà Ma Thị T, sinh năm 1950; có vợ là bà Đoàn Thị H, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 03/10/2025, chuyển tạm giam từ ngày 06/10/2025; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2, Công an tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

- *Bị hại:* Anh Hoàng Tuấn V; sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Viết X; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ nhỏ, Lưu Văn T thường xuyên cùng ông ngoại của T đi lấy cây thuốc nam chữa bệnh nên T biết cắt thuốc nam chữa một số bệnh và đã từng chữa cho một số người khỏi bệnh. Khoảng năm 2013 (không nhớ ngày, tháng), Lưu Văn T làm thợ xây tại thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang) và lấy tên là C. Qua mọi người giới thiệu, chị Lã Thị T, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang) bị bệnh mất kinh nguyệt, chị T đã đi chữa bệnh ở nhiều nơi nhưng không khỏi nên đã liên hệ với Lưu Văn T để chữa trị. Sau đó, bị cáo T và chị T nảy sinh quan hệ tình cảm, nên bị cáo T thường xuyên về nhà chị T chơi và ở lại vài ngày. Khoảng tháng 10 năm 2013 (không xác định được ngày), qua mọi người giới thiệu, anh Hoàng Tuấn V, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã L, tỉnh Tuyên Quang) đến nhà chị T để nhờ bị cáo T chữa bệnh cho bố của Hoàng Tuấn V là ông Hoàng Quốc V bị tai biến mạch máu não không đi lại được. Sau đó, Hoàng Tuấn V đưa bị cáo T về nhà mình để bắt mạch và cắt thuốc nam cho ông Hoàng Quốc V uống. Cứ cách vài ngày, bị cáo T lại đến nhà khám và đưa thuốc cho ông Hoàng Quốc V uống. Quá trình được bị cáo T điều trị, ông Hoàng Quốc V có dấu hiệu chuyển biến nên gia đình Hoàng Tuấn V rất tin tưởng bị cáo T. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2013, Lưu Văn T gọi điện thoại cho Hoàng Tuấn V nói là bị cáo T đang đi Tuyên Quang lấy thuốc, nhưng đến thị trấn V (nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang) thì xe mô tô của bị cáo T bị hỏng nên hỏi mượn xe mô tô và giấy tờ xe của Hoàng Tuấn V. Anh Hoàng Tuấn V đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx, nhãn hiệu YAMAHA SIRUS RC màu đen - trắng, mang tên đăng ký Hoàng Tuấn V đi từ xã L đến thị trấn V thuộc huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ) thì gặp bị cáo T; Hoàng Tuấn V đã giao xe, đăng ký xe và chứng minh nhân dân của mình cho bị cáo T.

Sau khi nhận xe của Hoàng Tuấn V, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx đến thị trấn H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang). Khi đến thị trấn H, do thiếu tiền tiêu nên bị cáo T đã nảy sinh ý định bán xe mô tô của Hoàng Tuấn V để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T điều khiển xe mô tô của Hoàng Tuấn V đến cửa hàng mua bán xe máy của ông Nguyễn Viết X, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ nhân dân T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang) để bán xe. Bị cáo T nói với ông X xe này là của em cậu và em cậu đồng ý để T bán. Sau đó bị cáo T và ông X thỏa thuận mua bán xe mô tô trên với giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Sau khi làm giấy tờ mua bán xe xong, ông X đưa cho bị cáo T 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Số tiền bán xe bị cáo T đã chi tiêu hết vào mục đích cá nhân.

Tại Biên bản về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 18/12/2013, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vị Xuyên (cũ) kết luận: 01 xe mô tô nữ, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen - trắng, số máy 5C6K-

052418, số khung C6K0DY052401, BKS: 23H1-xxx.xx, đăng ký lần đầu ngày 10/9/2013 (đã qua sử dụng, CLCL khoảng 95%) có giá trị là: 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá nói trên.

Ngày 01/01/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) đã ra Quyết định số 01/KTVA khởi tố vụ án hình sự "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" xảy ra ngày 18/11/2013 tại xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang; đồng thời đã ra Quyết định số 01/KTBC khởi tố bị can đối với Lưu Văn T, ra lệnh bắt bị can để tạm giam. Tuy nhiên, Lưu Văn T đã trốn khỏi địa phương ngày 28/11/2013. Ngày 01/5/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định số 01/QĐTN truy nã đối với bị can Lưu Văn T. Ngày 03/5/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Xuyên đã ra Quyết định số 03/QĐ tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định số 02/TĐC tạm đình chỉ điều tra bị can. Đến ngày 03/10/2025, Lưu Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã. Ngày 06/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định số B359/QĐ-CSHS phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định số B362/QĐ-CSHS phục hồi điều tra đối với bị can Lưu Văn T.

*** Về vật chứng:** 01 (một) xe mô tô SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 23H1-xxx.xx; 01 (một) Đăng ký xe số xxxxxx mang tên chủ xe Hoàng Tuấn V do Công an huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) cấp ngày 10/9/2013; 01 (một) chứng minh nhân dân số xxxxxxxxx mang tên Hoàng Tuấn V do Công an tỉnh Hà Giang (cũ) cấp ngày 19/9/2009. Xe mô tô và giấy tờ xe là tài sản hợp pháp của bị hại Hoàng Tuấn V; xét thấy không cần thiết phải tạm giữ thêm, ngày 01/5/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) đã trả lại các tài sản trên cho bị hại.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết X yêu cầu bị cáo Lưu Văn T trả lại cho ông X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), là tiền ông X đã bỏ ra đưa cho T để mua xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx.

Bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSKV4 ngày 15/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, bị cáo Lưu Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đã truy tố. Bị cáo T khai: Ban đầu, bị cáo T chỉ có ý định mượn xe mô tô của anh Hoàng Tuấn V để về nhà ở huyện H, Tuyên Quang. Tuy nhiên, sau khi về đến huyện H, bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh V. Bị cáo T nhất trí trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Bị hại anh Hoàng Tuấn V nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang; giữ nguyên lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố; đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giữ nguyên quan điểm như tại Cáo trạng đã truy tố; sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung các năm 2017, 2025). Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ *(ngày 03/10/2025).*

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lưu Văn T.

3. Về trách nhiêm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 122, 132, 137 và 410 Bộ luật Dân sự năm 2005. Buộc bị cáo Lưu Văn T phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

4. Về án phí: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa không tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối lỗi về hành vi của mình; bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết X vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, ông Nguyễn Viết X đã có lời khai tại cơ quan điều tra, đồng thời giữ nguyên yêu cầu

về dân sự; sự vắng mặt của ông X không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2013, trên cơ sở mối quan hệ quen biết từ trước với anh Hoàng Tuấn V, bị cáo Lưu Văn T đã mượn xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx, nhãn hiệu YAMAHA SIRUS RC, màu đen - trắng của V. Sau khi điều khiển xe máy của V về đến huyện H, tỉnh Tuyên Quang (cũ), nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của V. T đã cố tình không trả lại chiếc xe mô tô cho V mà đã bán chiếc xe cho ông Nguyễn Viết X được 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), số tiền này T đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Tại Biên bản về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vị Xuyên (cũ) ngày 18/12/2013 kết luận: Chiếc xe mô tô mà T chiếm đoạt được có giá trị là: 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

[4] Bị cáo Lưu Văn T là người có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định, bị cáo buộc phải biết hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là hành vi trái pháp luật hình sự và nguy hiểm cho xã hội, nhưng sau khi mượn được tài sản của anh Hoàng Tuấn V, bị cáo đã không trả lại mà cố ý chiếm đoạt trái phép tài sản của anh V, bán tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân sau đó bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lưu Văn T được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xét thấy quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có lợi hơn quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử đối với bị cáo Lưu Văn T.

[5] Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định:

*"**Điều 140. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

...”

[6] Như vậy, hành vi của bị cáo Lưu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang truy tố bị cáo Lưu Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T. Xét thấy quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lưu Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Về nhân thân: Bị cáo Lưu Văn T không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lưu Văn T đã bỏ trốn, dẫn đến Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài. Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố về nhân thân này của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[10] Về hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo, răn đe đối với bị cáo cũng như bảo đảm đấu tranh, phòng ngừa đối với loại tội phạm này tại địa phương.

[11] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy do bị cáo Lưu Văn T là lao động tự do, không có công việc, thu nhập ổn định; hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến chức vụ, nghề nghiệp của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Không có.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết X yêu cầu bị cáo Lưu Văn T phải trả lại ông X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) là số tiền ông X đã đưa cho bị cáo T để mua lại xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx, nhãn hiệu

YAMAHA SIRUS RC, màu đen - trắng mà bị cáo T đã chiếm đoạt được của bị hại Hoàng Tuấn V. Xét thấy việc giao dịch mua bán xe mô tô không thuộc quyền sở hữu hợp pháp thuộc trường hợp hợp đồng vô hiệu. Khi giao dịch mua bán xe với bị cáo T, ông X không biết xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có, hiện nay xe mô tô đã được cơ quan Công an thu giữ trả lại cho chủ sở hữu. Do đó căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 122, 132, 137 và 410 Bộ luật Dân sự năm 2005; bị cáo T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

[14] Về điều luật áp dụng trong quyết định hình phạt và áp dụng biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 38 và 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là các điều luật có lợi cho người phạm tội. Điều 48 về biện pháp tư pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi tại Bộ luật Hình sự năm 2015 được giữ nguyên so với quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo Lưu Văn T.

[15] Đối với ông Nguyễn Viết X là người đã mua lại xe mô tô biển kiểm soát 23H1-xxx.xx từ Lưu Văn T: Xét thấy do ông X không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[16] Về án phí: Theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 (có hiệu lực kể từ ngày ký) và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký); xã H, tỉnh Tuyên Quang là xã khu vực I (xã đang phát triển), do đó bị cáo Lưu Văn T không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Lưu Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[17] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[18] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy: Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 50, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025).

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T **20 (Hai mươi) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 03/10/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lưu Văn T.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 122, 132, 137 và 410 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Buộc bị cáo Lưu Văn T hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết X số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- CQĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- CQ THAHS Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Trại Tạm giam số 2, Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương

thiết